

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2025/DS-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC C- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Hồng Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà
2. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực C, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực C- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19 và 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N.

Địa chỉ: Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Công ty A – N Bank).

Địa chỉ: phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Địa chỉ liên hệ: Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Lê Hoàng G, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Bùi Tấn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phường E, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N (từ đây viết tắt là Ngân hàng) do bà Nguyễn Lê Hoàng G đại diện trình bày:*

Ngày 13/4/2023, Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch B (sau đây gọi là “N Bank”) và ông Bùi Tấn H đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0119/2023/909-CV (bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N Bank – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng), cụ thể: N Bank đã phát hành cho ông H sản phẩm thẻ JCB EMV HappyGolf Credit Main Card với số tài khoản 790916881540001; Số thẻ: 356519xxxxxx7614; Ngày phát hành: 17/4/2023; Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm; Hạn mức tín dụng: 200.000.000 đồng; Hạn mức rút tiền mặt: 160.000.000 đồng.

N Bank đã ghi nhận việc ông H thực hiện giao dịch với thẻ số 356519xxxxxx7614 là 199.500.000 đồng. Sau đó, vì ông H có nhu cầu cấp lại thẻ mới nên N Bank đã tiến hành thủ tục cấp lại thẻ theo Giấy yêu cầu (cấp lại thẻ tín dụng) ngày 05/5/2023. Sau khi tiếp nhận yêu cầu của ông H, N Bank đã thực hiện cấp lại thẻ với số thẻ mới là 3565199900988594. Thẻ mới vẫn sử dụng số tài khoản cũ là 790916881540001, các thỏa thuận khác giữ nguyên như thẻ cũ và tiếp tục ghi nhận việc ông H thực hiện kích hoạt thẻ vào ngày 15/5/2023 và đã thực hiện tổng giao dịch là 5.700.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ cho đến ngày 21/8/2025, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 206.398.098 đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 36.650.028 đồng, (bao gồm tiền mà ông H đã giao dịch, phí và lãi phát sinh trong kỳ thanh toán), sau đó ông H không tiếp tục thanh toán số tiền đã sử dụng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng nữa, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 14/3/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, khóa thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn tH sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ tổng dư nợ cuối kỳ tháng 3/2024 là 221.820.872 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 197.354.077 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 24.466.795 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (45%/năm).

Tính đến ngày 21/8/2025, ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 349.366.202 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 197.354.077 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.466.795 đồng và tiền lãi quá hạn là 127.545.330 đồng.

Nay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N yêu cầu ông Bùi Tấn H thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/8/2025 là 349.366.202 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 197.354.077 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.466.795 đồng và tiền lãi quá hạn là 127.545.330 đồng, và khoản

lãi phát sinh kể từ ngày 22/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Tấn H không đến Tòa làm bản tự khai, cũng không nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N khởi kiện yêu cầu ông Bùi Tấn H (có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông H ký ngày 13/4/2023, được Ngân Hàng phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 14/4/2023, mục đích sử dụng vốn vay là để tiêu dùng. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực C - Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn là ông Bùi Tấn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

#### **[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo cho ông Bùi Tấn H về việc Tòa án thụ lý vụ kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo về địa chỉ mà ông H đã cung cấp khi tiến hành giao dịch với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N, tuy nhiên phía ông H không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông H về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì đương sự đó không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu Ngân hàng N đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 13/4/2023 của ông Bùi Tấn H, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N và lời trình bày của đại diện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N và ông Bùi Tấn H là “Hợp đồng vay tài sản”, mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, hợp đồng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện.

Về số tiền ông H còn nợ ngân hàng: theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N thì: Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ cho đến ngày 21/8/2025, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 206.398.098đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 36.650.028đồng, (bao gồm tiền mà ông H đã giao dịch, phí và lãi phát sinh trong kỳ thanh toán), sau đó ông H không tiếp tục thanh toán số tiền đã sử dụng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng nữa. Tính đến ngày 21/8/2025, ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 349.366.202đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 197.354.077đồng, tiền lãi trong hạn là 24.466.795đồng và tiền lãi quá hạn là 127.545.330đồng.

Như vậy, phía ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N nên đã có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông H phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

**[3]** Về thời hạn thanh toán: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N yêu cầu ông Bùi Tấn H phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2025 là 349.366.202đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 197.354.077đồng, tiền lãi trong hạn là 24.466.795đồng và tiền lãi quá hạn là 127.545.330đồng là có căn cứ chấp nhận.

**[4]** Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. Nên ông Bùi Tấn H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

**[5]** Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Tấn H phải chịu án phí dân sự là:  $349.366.202đ \times 5\% = 17.468.310đ$  đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 417, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Bùi Tấn H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N tổng số tiền còn nợ là 349.366.202đ (ba trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm lẻ hai đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 197.354.077đồng, tiền lãi nợ trong hạn là 24.466.795đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 127.545.330đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0119/2023/909-CV (bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N Bank – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) được ký kết ngày 13/4/2023 và Giấy đề nghị (cấp lại thẻ tín dụng) ngày 05/5/2023 giữa ông Bùi Tấn H và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Tấn H còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N thì lãi suất mà ông Bùi Tấn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Tấn H phải nộp án phí là: 17.468.310đồng (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm mười đồng).

- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 7.225.862đ (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0065181 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Khu vực C-TPHCM;
- Phòng THA Khu vực C-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Hồng Nga**

